

Số: /BC-SYT

Đắk Lắk, ngày

tháng 01 năm 2022

BÁO CÁO NHANH

Tình hình phòng, chống dịch COVID-19

trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ngày 19/01/2022

(Từ 17h00 ngày 18/01/2022 đến 17h00 ngày 19/01/2022)

I. THÔNG TIN TÌNH HÌNH DỊCH

1. Tình hình ca mắc mới trong ngày

TT	Địa phương	Ca mới	Nơi phát hiện					Tích lũy ca mắc	DTTS	Xuất viện	Tử vong
			Cộng đồng	CL tại nhà	Khu cách ly	Khu PT	Sàng lọc				
1	TP.BMT	43	25	7	11	0	0	4017	1439	3683	30
2	H. Lắk	0	0	0	0	0	0	936	785	689	1
3	H. Krông Bông	0	0	0	0	0	0	367	144	274	0
4	H. Krông Buk	0	0	0	0	0	0	1143	972	945	6
5	H. Ea H'Leo	4	4	0	0	0	0	619	112	518	2
6	H. Krông Pắc	15	8	6	0	0	1	709	206	515	6
7	H. Krông Ana	0	0	0	0	0	0	1015	601	860	3
8	H. Cư M'Gar	15	6	9	0	0	0	1603	913	1236	8
9	H. Ea Súp	2	2	0	0	0	0	354	105	206	1
10	H. M'Đrăk	0	0	0	0	0	0	388	261	136	0
11	H. Krông Năng	14	12	2	0	0	0	412	255	321	2
12	H. Ea Kar	0	0	0	0	0	0	664	295	464	0
13	H. Buôn Đôn	0	0	0	0	0	0	289	78	184	0
14	H. Cư Kuin	0	0	0	0	0	0	931	548	875	5
15	TX. Buôn Hồ	4	4	0	0	0	0	1412	622	1222	16
	TỔNG	97	61	24	11	0	1	14859	7336	12128	80

- Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đã ghi nhận **14.859** trường hợp mắc COVID-19, trong đó có **12.128** trường hợp xuất viện, **80** trường hợp tử vong (01 trường hợp tử vong trong ngày), hiện còn điều trị **2.651** trường hợp.

- Tỷ lệ DTTS mắc COVID-19 trên toàn tỉnh chiếm **49,4%** số ca mắc

- Tỷ lệ mắc/100.000 dân trung bình của toàn tỉnh là **794,9/100.000** dân

- Toàn tỉnh có **5.878** tổ COVID cộng đồng đang hoạt động.

- Chi tiết một số chùm ca bệnh (theo phụ lục 1)

2. Tình hình cách ly, phong tỏa

a) Tình hình cách ly tập trung, cách ly tại nhà:

TT	Địa phương	Số trường hợp cách ly tập trung			Số trường hợp cách ly tại nhà		
		Mới	Tích lũy	Còn cách ly*	Mới	Tích lũy	Còn cách ly*
1	Tuyên tỉnh	0	74	69			
2	TP.BMT	8	211	137	91	2019	826
3	TX. Buôn Hồ	0	42	0	132	1329	921
4	H. Ea H'Leo	0	16	0	18	515	74
5	H. Krông Năng	0	0	0	-	344	150
6	H. Cư M'Gar	8	227	13	376	2127	997
7	H. M'Đrăk	9	267	2	126	1928	1087
8	H. Ea Kar	16	209	118	129	2162	1051
9	H. Krông Pắc	4	57	11	209	2905	1958
10	H. Krông Bông	0	56	2	313	3550	1857
11	H. Krông Ana	1	11	1	8	359	156
12	H. Cư Kuin	0	0	0	20	694	375
13	H. Lắk	0	0	0	42	582	281
14	H. Buôn Đôn	5	88	55	68	1524	667
15	H. Ea Sup	0	0	0	88	1626	296
16	H. Krông Buk	0	0	0	100	553	190
TỔNG		51	1258	408	1720	22217	10886

* Số đang cách ly tính cả từ năm 2021 chuyển qua

b) Khu vực phong tỏa:

- Số khu vực phong tỏa: 311 khu vực; đã giải tỏa: 291 khu vực
- Còn lại: 20 khu vực đang phong tỏa.

(Cập nhật chi tiết tại đường link <https://docs.google.com/spreadsheets/d/1FToKXiONnwUTEK7VqfBp22Rf71yBI7lxSDYjd2ZWtqo/edit#gid=644602066>)

c) Số lượng công dân từ vùng dịch trở về huyện/TX/TP (từ 01/01/2022)

TT	Địa phương	Số người hôm qua	Số người hôm nay	Cộng dồn
1	TP.BMT	52	51	978
2	TX. Buôn Hồ	77	77	772
3	H. Ea H'Leo	64	83	1035
4	H. Krông Năng			325
5	H. Cư M'Gar	135	61	758
6	H. M'Đrăk	63	55	681
7	H. Ea Kar	199	230	1967
8	H. Krông Pắc	0		4835
9	H. Krông Bông	127	170	1151
10	H. Krông Ana	0	0	280
11	H. Cư Kuin	20	14	284
12	H. Lắk	19	29	128
13	H. Buôn Đôn	240	0	420
14	H. Ea Sup	30	49	319
15	H. Krông Buk	0		8
TỔNG		1026	819	13941

3. Tình hình lấy mẫu xét nghiệm

TT	Địa phương	Test nhanh kháng nguyên				Xét nghiệm RT-PCR				
		Trong ngày		Tổng		Trong ngày		Tổng		Chờ kết quả
		Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	Mới	Dương tính	Cộng dồn	Dương tính	
1	CDC*	46	0	1056	2	55	0	158	0	0
2	TP.BMT	222	32	4788	821	0	0	0	0	0
3	TX. Buôn Hồ	182	4	735	64	0	0	0	0	0
4	H. EaH'Leo	8	0	9486	70	0	0	0	0	0
5	H.Krông Năng	-	-	382	34	0	0	0	0	0
6	H. Cư M'Gar	180	20	2701	256	0	1	0	1	0
7	H. M'Đrăk	289	9	3663	172	0	0	0	0	0
8	H. Ea Kar	201	3	3719	242	0	0	0	0	0
9	H. Krông Pắc	378	9	6989	186	0	0	0	0	0
10	H.Krông Bông	61	3	3385	105	0	0	0	0	0
11	H. Krông Ana	43	3	1661	155	0	0	0	0	0
12	H. Cư Kuin	7	2	440	81	0	0	3	2	0
13	H. Lắk	29	6	1178	229	0	0	33	26	0
14	H. Buôn Đôn	203	7	2605	80	32	0	76	4	0
15	H. Ea Sup	1	1	131	131	0	0	37	37	0
16	H. Krông Buk	13	70	592	252	0	0	0	0	0
TỔNG		1863	169	43511	2880	87	1	307	70	0

4. Hoạt động tiêm vắc xin COVID-19

a) Tổng số vắc xin đã nhận

	Loại vắc xin	Vắc xin nhận	Số mũi tiêm thực hiện	Tỷ lệ (%)
	TỔNG	3.050.498	2.911.855	95,5
1	AstraZeneca	774.950	856.152	110,2
2	Comirnaty	1.163.508	938.531	80,7
3	Moderna	121.800	105.714	86,8
4	Sinopharm	990.240	1.011.458	102,1

b) Kết quả tiêm vắc xin như sau:

TT	Nhóm đối tượng	Số đối tượng	Tích lũy					
			Mũi 1		Mũi 2		Liều bổ sung (%)	Liều nhắc (%)
			Số tiêm	Tỷ lệ (%)	Số tiêm	Tỷ lệ (%)		
1	ĐT 18 tuổi trở lên	1.269.372	1.231.666	97,0	1.171.455	92,3	12,6	6,9
2	ĐT từ 50 tuổi trở lên	361.984	353.653	97,7	343.534	94,9	6,7	9,5
3	ĐT từ 65 tuổi trở lên	103.549	103.001	99,5	97.367	94,0	12,3	21,0
4	PNCT từ 13 tuần tuổi thai	22.934	22.669	98,8	21.612	94,2	1,6	5,2
5	TE 15-17 tuổi	80.616	78.145	96,9	69.814	86,6		
6	TE 12-14 tuổi	105.348	98.655	93,6	26.741	25,4		

5. Công tác điều trị trong ngày

a) Tình hình biến động bệnh nhân trong ngày: Tổng số bệnh nhân COVID-19: 14.859 trường hợp, có 12.128 trường hợp ra viện, 80 trường hợp tử vong, hiện còn điều trị 2.651 trường hợp.

- Tại các cơ sở thu dung điều trị:

TT	Cơ sở điều trị	Số giường bệnh	Số BN của ngày hôm trước	Số BN ngày hôm nay	Trong đó				
					Mới	Chuyển tuyến trên	Chuyển tuyến dưới	Ra viện	Tử vong
1	BV Dã chiến 01	1000	781	733	28	0	0	76	0
2	BV Dã chiến 02	1500	520	530	56	0	0	46	0
3	TTYT Krông Búk	230	217	239	28	0	0	6	0
4	BV khu vực 333	300	325	319	6	0	0	12	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	100	74	70	6	0	0	10	0
6	BVĐK Vùng TN	92	45	41	3	0	0	4	0
	Tổng	3222	1962	1932	127	0	0	154	0

- Điều trị F0 tại nhà: mới 15 trường hợp, tích lũy **398** trường hợp, 239 trường hợp khỏi bệnh, chuyển tuyến 02 trường hợp, hiện còn điều trị **157** trường hợp.

b) Phân loại tình trạng bệnh nhân

- Phân loại theo mức độ lâm sàng (n=1.932)

TT	Cơ sở điều trị	Không có biểu hiện lâm sàng	Mức độ nhẹ (VĐHH Cấp)	Mức độ vừa (Viêm phổi)	Mức độ nặng (Viêm phổi nặng)	Mức độ nguy kịch				Hội chứng viêm hệ thống liên quan COVID-19 TE
						ARDS	Nhiễm trùng huyết	Sốc nhiễm trùng	Khác	
1	BV Dã chiến 01	379	354	0	0	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	264	266	0	0	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	228	11	0	0	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	167	151	1	0	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	0	0	56	14	0	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	3	8	12	15	3	0	0	0	0
	Tổng	1041	790	69	29	3	0	0	0	0
	Tỷ lệ %	53.9	40.9	3.6	1.5	0.2	0.0	0.0	0.0	0.0

- Điều trị liên quan đến suy hô hấp (n=1.932)

TT	Cơ sở điều trị	Bình thường	Thở Oxy	HFNC	Thở máy không xâm nhập	Thở máy xâm nhập	ECMO
1	BV Dã chiến 01	733	0	0	0	0	0
2	BV Dã chiến 02	530	0	0	0	0	0
3	TTYT Krông Búk	239	0	0	0	0	0
4	BV khu vực 333	319	0	0	0	0	0
5	BV Lao và Bệnh Phổi	56	14	0	0	0	0
6	BVĐK Vùng TN	24	13	2	0	2	0
	Cộng	1901	27	2	0	2	0
	Tỷ lệ %	98.4	1.4	0.1	0.0	0.1	0.0

II. TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

- Sở Y tế đang điều **238** nhân lực/ tổng **1.586** lượt điều động để phục vụ cho công tác phòng, chống dịch từ các đơn vị sự nghiệp trực thuộc và huy động giảng viên, sinh viên tình nguyện thuộc các cơ sở đào tạo khối ngành sức khỏe tham gia công tác phòng, chống dịch trên địa bàn (*Chi tiết tại phụ lục 2*).

Trên đây là báo cáo tình hình COVID-19 ngày 18/01/2022 của Sở Y tế./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Tỉnh ủy (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- BCĐ PCD COVID-19 tỉnh (báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Sở Thông tin và truyền thông;
- Giám đốc, các PGĐ Sở Y tế;
- Các tổ chức TMTH-CMNV Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVYD.

Nay Phi La

Phụ lục 1: CHI TIẾT CÁC CHÙM CA BỆNH

TT	Chùm ca bệnh	F0
1	Liên quan chùm ca bệnh trong cộng đồng tại thôn Nam Hòa, Xã Dray Bhang, Cư Kuin.	18
2	Liên quan Fo Y Ngheo Mgiao tại buôn Drah 2, Cư Né, Krông Buk	55
3	Liên quan chùm ca bệnh cộng đồng, chưa rõ nguồn lây tại Buôn Mrông A, Mrông B, Mrông C, TDP 3A, 3B, 4- TT Ea Kar	134
4	Chùm ca bệnh tại Buôn Kõ Siêr, P. Tân Lập, BMT	3
5	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, 2, 3, 7, 9, 11, 12, thôn 8, buôn Hluk, buôn Ciêt - xã Ea Tiêu, Cư Kuin. Lây sang thôn 4, Cư Ebur, BMT	149
6	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 22, 24, thôn 13, Ea Ning, Cư Kuin	29
7	Chùm ca bệnh liên quan BN điều trị nội trú tại BVĐK Vùng Tây Nguyên	61
8	Chùm ca bệnh cộng đồng tại buôn Tuôr A, Tuôr B, buôn Kala, buôn Anna - Xã Dray Sap, Krông Ana	148
9	Liên quan chùm ca bệnh tại 221, 189/1/45 Mai Hắc Đế, Tân Thành, BMT	10
10	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dong Bắk, xã Yang Tao, Lăk. lây qua buôn Yok Đuôn	59
11	Liên quan chùm ca bệnh tại Pai Pi, xã Đăk Nuê, Lăk Fo Y Song Pang Ting. Lây sang buôn Mih, buôn Dham 2, buôn Kdie 1- Đăk Nuê	181
12	Chùm ca bệnh tại Thôn 1, 7,9, 11, thôn 12, Hòa Phú, BMT	34
13	Chùm ca bệnh tại buôn Dham, Xã Ea Bông, Krông Ana	96
14	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Sut Mdrang, Thôn 2, 3 Cư Suê, Cư M'Gar	41
15	Chùm ca bệnh tại buôn Hwiê, buôn Cư Mblim, buôn Kao, thôn 4, thôn 3, thôn Tân Hưng, Thôn Cao Thắng - xã Ea Kao, BMT	87
16	Chùm ca bệnh tại TDP 1,3,4 ,5,6– TT Buôn Tráp – Krông Ana	44
17	Liên quan đến chùm ca bệnh Buôn Mgăm, buôn Mlóc B, buôn Tai - xã Krông Jing, M'Đrăk	25
18	Chùm ca bệnh tại Buôn Cuê, Xã Băng Adrênh, Krông Ana. Lây sang buôn K62, Băng Adrênh.	72
19	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Dur Kmal, xã Dur Kmal, Krông Ana.	26
20	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Kruê, Ea Bông, Krông Ana	4
21	Liên quan chùm ca bệnh tại Cư Huê, Ea Kar	34
22	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Suk, buôn Tong Sinh, Xã Ea Đar, Ea Kar	16
23	Liên quan chùm ca bệnh xã Hòa Tân, Huyện Krông Bông, Đăk Lăk	30
24	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ga, Xã Ea Kmút, Ea Kar	30
25	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mùi 2, Mùi 3- Cư Né, Krông Búk	54
26	Liên quan chùm ca bệnh thôn Đăk Rmút, Xã Krông Nô. Lăk	16
27	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Yorl, Đăk Nuê, Lăk	52
28	Chùm ca bệnh tại thôn Quỳnh Tân 2, Quỳnh Tân 3, TT Buôn Tráp, Krông Ana	19
29	Liên quan chùm ca bệnh tại TDP2, TDP3, TDP5, TDP 7, TDP 9, Phường Tân Hòa, BMT	24
30	Chùm ca bệnh tại thôn 13, 14, Ea Tút, xã Pong Drang, Krông Buk	26
31	Chùm ca bệnh tại buôn Yon, Xã Bông Krang, Huyện Lăk	6
32	Chùm ca bệnh tại Cư Mlan, Ea Súp lây sang buôn Păn Lăm, P Tân Lập, BMT	31
33	Chùm ca bệnh tại chợ TT Ea Súp, Ea Súp	88
34	Chùm ca bệnh tại buôn Yông Hắt, Krông Nô, Lăk	201
35	Liên quan chùm ca bệnh tại KCN Hòa Phú, BMT	12

TT	Chùm ca bệnh	F0
36	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Yông B, Ea Đrong, Cư M'Gar	11
37	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Krông Kmar, Krông Bông	7
38	Chùm ca bệnh tại buôn Hma, Ea Bông, Krông Ana	7
39	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn Ea Pông, xã Ea Sin, Krông Buk	51
40	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Ktur, Cư Kuin	17
41	Liên quan chùm ca bệnh tại Ea Mao, Ea Yêng, Krông Pắc	42
42	Liên quan chùm ca bệnh tại Cai A, Trang Yôk – Krông Nô, Lắk	10
43	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 1, thôn 4 – Cư Ebur - BMT	67
44	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Xê Đăng, xã Ea Sar, huyện Ea Kar	114
45	Liên quan chùm ca bệnh tại Xã Quảng Hiệp, Quảng Tiến, Cư M'Gar	35
46	Liên quan chùm ca bệnh tại 116/3/20 Y Moal, Phường Tân Lợi, BMT	19
47	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Ea Dho, xã Cư Pong, Krông Buk	37
48	Liên quan chùm ca bệnh tại xã Ea Trang, M'Đrăk Lây sang Cư San	167
49	Liên quan chùm ca bệnh Cư Pui, Krông Bông	30
50	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Mblót, xã Ea Bông, Krông Ana	8
51	Liên quan chùm ca bệnh buôn Kroa B, Cuôr Đăng, Cư M'Gar	6
52	Liên quan chùm ca bệnh tại TT Quảng Phú, Cư M'Gar	18
53	Liên quan chùm ca bệnh tại thôn 3 – Ea Pil – M'Đrăk	23
54	Liên quan chùm ca bệnh tại Buôn Ea Bơ, Cư Pong, Krông Buk	15
55	Chùm ca bệnh Buôn Tuôr, Hòa Phú, BMT	39
56	Liên quan chùm ca bệnh tại buôn Hding, Xã Cư Dliêng Mnông, Cư M'gar	105

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐIỀU ĐỘNG NHÂN SỰ

1) Các đơn vị đã tiếp nhận nhân lực điều động:

TT	Đơn vị tiếp nhận	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/NHS/YS	Kỹ thuật viên	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Bệnh viện Lao và Bệnh phổi	2	0								2	24
2	Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	0	0						11	0	11	20
3	Bệnh viện Dã chiến số 01 tỉnh Đắk Lắk	16	33	3	6	4	2		10	11	85	237
4	Bệnh viện Dã chiến số 02 tỉnh Đắk Lắk	13	25	2	2	3			8	6	59	71
5	Bệnh viện Dã chiến số 03 tỉnh Đắk Lắk											58
6	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh			0				5			5	36
7	Trung tâm Y tế thành phố Buôn Ma Thuột						2	10	17		29	618
8	Thành phố Hồ Chí Minh	0	0				0				0	14
9	Trung tâm Y tế thị xã Buôn Hồ	2	0	0	0			0		0	2	202
10	Trung tâm Y tế huyện Krông Búk	3	8	8				0	6		25	75
11	Khu cách ly Ký túc xá Trường ĐH Tây Nguyên	4	5				1				10	44
12	KCL Trường CĐ Công nghệ TN	4	6								10	10
13	Khu cách ly Trường Chính trị										0	21
14	Khu cách ly Dây nhà bồi dưỡng kiến thức quốc phòng an ninh đối tượng 3		0							0	0	2
15	Khu cách ly Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk										0	8
16	KCL Phân hiệu Trường ĐH Luật Hà Nội tại Đắk Lắk										0	8
17	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên							0			0	28
18	Trường THPT DTNT N'Trang Long							0			0	70
19	Trường THCS Hòa Phú		0	0							0	40
TỔNG CỘNG		44	77	13	8	7	5	15	52	17	238	1586

2) Nhân lực tham gia điều động

TT	Đơn vị	Chủng loại									Tổng số đang điều động	Tổng số lượt điều động
		Bác sĩ	ĐD/ Nữ hộ sinh/Y sĩ	KTV	Dược sĩ	Hộ lý	Lái xe	Giảng viên. sinh viên	Tình nguyện viên	Nhân lực khác		
1	Y tế công lập	39	73	13	9	7	3	0	0	13	157	754
1.1	Sở Y tế	1									1	1
1.2	BVĐK vùng Tây Nguyên	5	1	1	3	1	0			0	11	82
1.3	BVĐKTP.Buôn Ma Thuột	9	14	1	0	0	1			5	30	86
1.4	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	6	1	8						1	16	41
1.5	Trung tâm Y tế Buôn Đôn	1	2				0				3	25
1.6	Bệnh viện Y HCT		2		0	1				0	3	82
1.7	Trung tâm Y tế Cư M'gar	0	5	0							5	58
1.8	TT Kiểm nghiệm thuốc. mỹ phẩm. thực phẩm			0	3						3	9
1.9	TTYT huyện Ea Súp	0	0								0	8
1.10	TTYT huyện Lắk	3	5								8	18
1.11	TTYT huyện Krông Pắc	0	2								2	9
1.12	TTYT huyện Ea Kar	0	0	0							0	17
1.13	TTYT huyện Krông Búk						0				0	1
1.14	Trung tâm Da liễu						1				1	11
1.15	Bệnh viện Mắt Đắk Lắk		0								0	24
1.16	Bệnh viện Tâm thần	0	3			1					4	15
1.17	TTYT huyện Ea H'leo	1	2	0						0	3	46
1.18	TTYT huyện Krông Năng	0	2	0	0					0	2	28
1.19	TTYT huyện Krông Bông	3	5			1					9	23
1.20	TTYT huyện M'Drăk		3	1							4	8
1.21	TTYT huyện Krông Ana		0								0	2
1.22	BVĐK thị xã Buôn Hồ	2	4	0	0					0	6	33
1.23	TTYT huyện Cư Kuin	8	16	2	3	3	1			7	40	47
1.24	TTYT TP Buôn Ma Thuột		6					0		0	6	80
2	Bệnh viện tư nhân	2	0	0	0	0	0	0	0	0	2	22
2.1	BVĐK Thiện Hạnh	0									0	11
2.2	BV Nhi Đức Tâm	2									2	2
2.3	BVĐK Hòa Bình	0	0		0						0	9
3	Y tế tư nhân (Phòng khám đa khoa. Phòng khám chuyên khoa....)										0	0
4	Cán bộ y tế hưu trí										0	0
5	Trường ĐH. CĐ	0	0	0	0	0	0	15	0	0	15	696
5.1	Trường ĐH BMT										0	283
5.2	Trường ĐH Tây Nguyên							15			15	345
5.3	Trường Cao đẳng Y tế							0			0	68
6	Bệnh viện Bạch Mai	0	0							0	0	9
7	Sở Y tế TP Hồ Chí Minh						0				0	2
8	Tình nguyện viên								64		64	103
TỔNG CỘNG		41	73	13	9	7	3	15	64	13	238	1586